

Số: 4274 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 18 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 01 hộ dân và giao đất tái định cư cho 03 hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019; Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 và Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để xây dựng dự án Mở rộng Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 3834/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh giá đất ở cụ thể tại Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông khu vực 7 - 8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn để bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB các dự án trên địa bàn tỉnh;

Theo Văn bản số 6878/UBND-TD ngày 20/9/2023 của UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông Đỗ Trọng Thủy;

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tại Tờ trình số 233/TTr-TTPTQĐ ngày 24/10/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường

tại Tờ trình số 1381/TTr-STNMT ngày 14/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 01 hộ dân và giao đất tái định cư cho 03 hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Về bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **54.899.000 đồng** (Năm mươi bốn triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn đồng), trong đó:

+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 53.823.000 đồng.

+ Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 1.076.000 đồng.

- Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

2. Về tái định cư

Bố trí 03 lô đất ở cho 03 hộ gia đình, với tổng diện tích là 242,7m² tại Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, khu vực 7 - 8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn. Tổng số tiền sử dụng đất các hộ này phải nộp là **1.659.840.000 đồng** (Một tỷ, sáu trăm năm mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K20, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO 01 HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN MỞ RỘNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN TẠI PHƯỜNG NHƠN PHÚ, THÀNH PHỐ QUY NHƠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Diện tích BT đất nông nghiệp	Bồi thường đất nông nghiệp			Hỗ trợ khác theo Điều 1 QĐ số 30/2023/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh			Giá trị BT, HT bổ sung (đồng)
				Diện tích	Đơn giá	Thành tiền	Diện tích	Đơn giá	Thành tiền	
a	b	c	d	e	f	g = e x f	h	i	j = h x i	k = g + j
1	Ông Đỗ Trọng Thủy - bà Dương Thị Mỹ Lệ	Tổ 7, KP7, P. Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn	88,70	88,7	162.800	14.440.360	88,7	444.000	39.382.800	53.823.000
I	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung									53.823.000
II	Chi phí phục vụ công tác GPMB: (I) x 2%)									1.076.000
III	Tổng cộng : (I) + (II)									54.899.000

Phụ lục số 02

**BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP CỦA 03 HỘ GIA ĐÌNH BỊ ẢNH HƯỞNG
DO GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN MỞ RỘNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN TẠI
PHƯỜNG NHƠN PHÚ, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích BT đất ở	Đất vườn	Tổng DT đất thu hồi	Lô đất tái định cư được giao thuộc Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, khu vực 7- 8 phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn									
						Lô đất được giao					Nộp tiền theo đơn giá đất ở tái định cư		Nộp tiền theo đơn giá đất ở thị trường		Tổng số tiền SDD phải nộp (chưa kể các khoản phí và lệ phí)
						Ký hiệu	Diện tích (m2)	Khu đất	Tuyến đường	Lộ giới	Diện tích	Đơn giá	Diện tích	Đơn giá	
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m	n	o	$p = (l \times m) + (n \times o)$
1	Huỳnh Thị Thích, chồng Nguyễn Xê	240 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn	80,50	98,70	179,20	9	87,7	LK4	ĐS 7	16m	80,5	5.600.000	7,2	11.200.000	531.440.000
2	Nguyễn Văn Ba (chết), vợ Lê Thị Tòng	Tổ 5, KP5, P. Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn	78,50	277,80	356,30	10	85,5	LK4	ĐS 7	16m	78,5	5.600.000	7,0	11.200.000	518.000.000
3	Huỳnh Tín, vợ Trần Thị Bích Vân	Tổ 6, KP5, P. Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn	30,00		398,30	17	69,5	LK4	ĐS 7	16m	30,0	5.600.000	39,5	11.200.000	610.400.000
Cộng			189,00	376,50	933,80		242,7				189,0		53,70		1.659.840.000